

Bản án số: **88/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 20z – 9 - 2025

Về việc: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Lâm

2. Ông Bùi Tuấn Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyết là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2025/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Thanh D, sinh ngày 19/8/1982 (Vắng mặt)

Số căn cước công dân: 083182003189 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/5/2021.

Nơi cư trú: Ấp H, xã P, huyện B, tỉnh T (Nay là ấp P, xã T, tỉnh V).

Nơi cư trú hiện nay: Ấp L, xã T, tỉnh V.

- Bị đơn: Đặng Phú C, sinh ngày 04/11/1980 (Vắng mặt)

Số căn cước công dân: 083080002579 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 01/5/2021.

Nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh T (Nay là ấp P, xã T, tỉnh V).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 30/5/2025, bản tự khai đề ngày 05/8/2025, biên bản hòa giải ngày 21/8/2025, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh D trình bày:

Chị và anh Đặng Phú Cường kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh T (Nay là xã P, tỉnh V). Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến tháng 02 năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm cuộc sống, liên quan đến tiền bạc, hay cãi nhau và sống ly thân từ tháng 02 năm 2025 cho đến nay, đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Quá trình chung sống, chị và anh C có với nhau 02 con chung tên Đặng Trần Hữu T, sinh ngày: 13/5/2013 và Đặng Trần Trang Đ, sinh ngày: 07/10/2015. Hiện nay chị đang chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trang Đ, anh

C đang chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Hữu T. Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

Chị Trần Thị Thanh D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Đặng Phú C.

- Về con chung: Ly hôn 02 con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh D vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Phú C, không đồng ý hàn gắn tình cảm. Con chung chị D đồng ý để anh C được nuôi dưỡng con chung Đặng Trần Hữu T, sinh ngày: 13/5/2013, chị nuôi dưỡng con chung Đặng Trần Trang Đ, sinh ngày: 07/10/2015, theo nguyện vọng của 02 con chung và không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Chị Trần Thị Thanh D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 19/9/2025.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 05/8/2025, ngày 21/8/2025, bị đơn anh Đặng Phú C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thanh D kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh T (Nay là xã P, tỉnh V). Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn về tiền bạc nhưng chưa đến mức nghiêm trọng không hàn gắn được phải ly hôn. Do vẫn còn thương vợ, mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

- Về con chung: Có 02 con chung Đặng Trần Hữu T, sinh ngày: 13/5/2013 và Đặng Trần Trang Đ, sinh ngày: 07/10/2015. Con chung Trang Đ chị D đang nuôi dưỡng, con chung Hữu T anh đang nuôi dưỡng. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì xem xét nguyện vọng của 02 con chung sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán phân công giải quyết án xác định đúng quan hệ tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Thanh D. Về con chung: Có 02 con chung. Chị Trần Thị Thanh D nuôi con chung Đặng Trần Trang Đ, sinh ngày: 07/10/2015, anh C nuôi con chung Đặng Trần Hữu T, sinh ngày: 13/5/2013. Ghi nhận chị D và anh C nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung: Chị Trần Thị Thanh D và anh Đặng Phú C khai thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án

giải quyết nên không xét đến. Nợ chung: Chị Trần Thị Thanh D và anh Đặng Phú C khai thống nhất không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị Thanh D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 19/9/2025. Bị đơn anh Đặng Phú C triệu tập xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D, anh C là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Thanh D và anh Đặng Phú C khai thống nhất kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh T (Nay là xã P, tỉnh V), phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc đến tháng 02 năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị D trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm cuộc sống, liên quan đến tiền bạc, hay cãi nhau. Anh C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là về tiền bạc nhưng chưa đến mức nghiêm trọng phải ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án hòa giải giữa chị Diệu và anh C, hai bên không hàn gắn, đoàn tụ lại. Anh C không đồng ý ly hôn với chị D, chị D vẫn giữ yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị D và anh C đã sống ly thân từ tháng 02/2025 đến nay, trong thời gian này cả hai vẫn không hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng. Từ lúc chị D gửi đơn ly hôn tại Tòa án, Tòa án mời hai bên hòa giải động viên nhưng vẫn không thành. Anh C nói còn thương chị D nhưng về nhà anh C không có giải pháp nào để cải thiện tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh Cường, chỉ nói suông. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị D và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh C là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Chị Trần Thị Thanh D và anh Đặng Phú C khai thống nhất chung sống có với nhau 02 người con chung tên Đặng Trần Hữu T, sinh ngày: 13/5/2013 và Đặng Trần Trang Đ, sinh ngày: 07/10/2015. Chị D và anh C đã thỏa thuận và thống nhất mỗi người nuôi 01 con chung. Cụ thể: Chị D nuôi dưỡng con chung Trang Đ, anh C nuôi dưỡng con chung Hữu T, sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung trên 07 tuổi, phù hợp quy định pháp luật theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị D và anh C nuôi dưỡng con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện anh chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Tài sản chung:

Chị Trần Thị Thanh D và anh Đặng Phú C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Nợ chung:

Chị Trần Thị Thanh D và anh Đặng Phú C khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án hôn nhân, nuôi dưỡng con chung, tài sản chung và nợ chung là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị Thanh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 233, 238, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Trần Thị Thanh D.

2. Chị Trần Thị Thanh D được ly hôn với anh Đặng Phú C.

3. Về con chung:

Chị Trần Thị Thanh D được nuôi dưỡng con chung Đặng Trần Trang Đ, sinh ngày: 07/10/2015. Anh Đặng Phú C được nuôi dưỡng con chung Đặng Trần Hữu T, sinh ngày: 13/5/2013.

Ghi nhận chị D và anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong thời gian 02 con chung của chị Trần Thị Thanh D và anh Đặng Phú C chưa thành niên (*Chưa đủ 18 tuổi*), anh chị có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thanh D và anh Đặng Phú C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về nợ chung: Chị Trần Thị Thanh D và anh Đặng Phú C khai thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

6. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Thị Thanh D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000449 ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị D đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
(Phòng KTNV&THA);
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 8 – Vĩnh Long;
- UBND xã P, tỉnh V (Số 71, ngày 30/11/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương